

## PHỤ LỤC 5

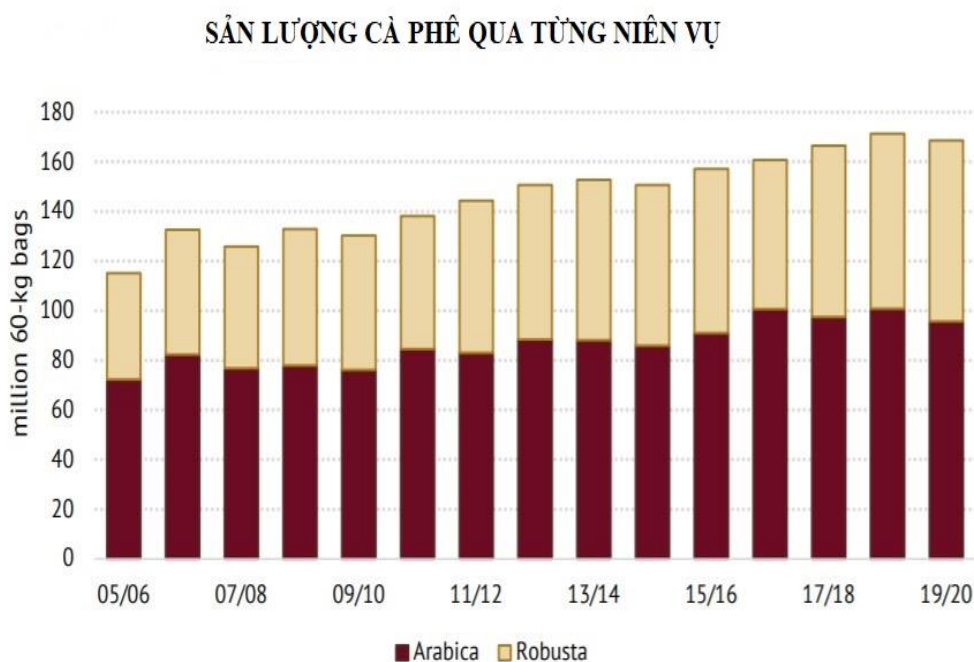
### XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM CÀ PHÊ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ TRÊN THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU VÀ Ở VIỆT NAM

#### 1. Xu hướng phát triển sản phẩm cà phê toàn cầu của sản phẩm cà phê có chỉ dẫn địa lý

##### 1.1. Sản xuất cà phê toàn cầu

Theo Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), sản lượng cà phê thế giới niên vụ 2019 - 2020 ước tính đạt 168,55 triệu bao, thấp hơn 1,6% so với niên vụ 2018 - 2019. Trong đó, sản lượng robusta tăng 3,2% lên 72,82 triệu bao với mức tăng lớn nhất ở Việt Nam, Indonesia và Uganda; sản lượng arabica giảm 5,1% xuống còn 95,73 triệu bao do mức tăng ở Colombia, Ethiopia, Indonesia và Mexico không thể bù đắp được thiệt hại về sản lượng từ Brazil và Honduras.

**Hình 1. Sản lượng cà phê trên thế giới**

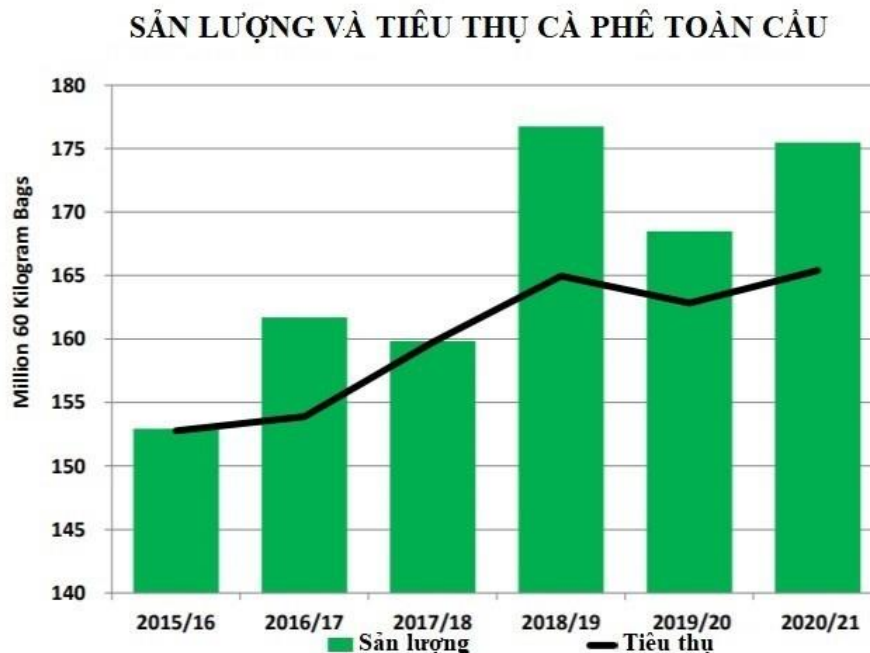


*Nguồn: ICO – Tổ chức cà phê thế giới, 2021*

Theo báo cáo của ICO – Tổ chức cà phê thế giới, tiêu thụ cà phê toàn cầu từ tháng 10/2019 đến tháng 9 năm nay ước tính đã giảm 0,9% xuống còn 167,59 triệu bao, sau khi tăng 4,6% trong niên vụ 2018 - 2019 lên 169,11 triệu bao. Do đó, niên vụ 2019 - 2020 dự kiến thặng dư 961.000 bao. Điều này đã hạn chế sự phục hồi của chỉ số giá cà phê tổng hợp ICO cho niên vụ 2019 - 2020 xuống mức trung bình 107,25 US cent/pound, tuy nhiên vẫn

cao hơn 6,7% so với niên vụ 2018 – 2019 (Ngọc Ánh,2021)<sup>1</sup>. Trong khi đó, sản lượng cà phê toàn cầu niên vụ 2020 – 2021 dự kiến đạt 175,5 triệu bao 60 kg, cao hơn niên vụ trước 7 triệu bao với giá cà phê, được đo lường bởi chỉ số giá tổng hợp hàng tháng của Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), đạt trung bình 1,1 USD/pound vào tháng 11/2020, giảm từ mức cao 1,16 USD/pound vào tháng 9/2020. Xuất khẩu ước tính cũng cao hơn nhờ mức tăng mạnh ở Brazil<sup>2</sup>, Honduras và Colombia (Ngọc Ánh, 2021)<sup>3</sup>.

**Hình 2. Sản lượng và tiêu thụ cà phê trên toàn cầu**



*Nguồn: USDA – Bộ nông nghiệp Hoa Kỳ, 2021*

Dưới tác động của biến đổi khí hậu và nhu cầu tiêu dùng trên thế giới ngày càng tăng, nhu cầu về sản lượng và tiêu dùng cà phê trong tương lai dự báo tăng mạnh. Triển vọng sản xuất cà phê toàn cầu dự báo sáng sủa hơn khi các biện pháp ngăn chặn liên quan đến đại dịch covid-19 đang có hiệu lực trên thế giới, tạo ra niềm tin lớn hơn của người tiêu dùng vào sự phục hồi kinh tế thế giới. Theo dự báo của ICO, thị trường cà phê hữu cơ toàn

<sup>1</sup> Ngọc Ánh (2021), “ICO: Sản lượng cà phê toàn cầu niên vụ 2019 - 2020 giảm 1,6% so với niên vụ trước”, Báo Vietnambiz.vn

<https://vietnambiz.vn/ico-san-luong-ca-phe-toan-cau-nien-vu-2019-2020-giam-16-so-voi-nien-vu-truoc-20201204195116336.htm>

<sup>2</sup> Brazil dự báo sẽ chiếm phần lớn sản lượng do vụ cà phê arabica của nước này bước vào năm được mùa của chu kỳ sản xuất hai năm một lần và cà phê robusta đạt sản lượng kỷ lục.

<sup>3</sup> Ngọc Ánh (2021), “USDA: Sản lượng cà phê toàn cầu niên vụ 2020 - 2021 tăng 7 triệu bao so với niên vụ trước”, Báo Vietnammoi.vn

<https://vietnammoi.vn/usda-san-luong-ca-phe-toan-cau-nien-vu-2020-2021-tang-7-trieu-bao-so-voi-nien-vu-truoc-202112165032536.htm>

cầu sẽ đạt 20,78 tỷ đô la vào năm 2030, tăng 10,6% hàng năm trong giai đoạn 2020-2030, do sự gia tăng tiêu thụ các sản phẩm hữu cơ và lành mạnh, và do nhu cầu ngày càng tăng về cà phê nguyên liệu cho các sản phẩm bánh, kẹo và các sản phẩm khác.

Các nước xuất khẩu cà phê lớn như Brazil, Việt Nam, Colombia, Indonesia, một số nước Trung Mỹ và Mexico. Các nước nhập khẩu cà phê lớn nhất trên thế giới trong thời gian tới dự báo vẫn là EU, Mỹ. Nhập khẩu cà phê của Liên minh châu Âu (EU) dự báo sẽ tăng 1,9 triệu bao lên 49,0 triệu bao và chiếm gần 45% nhập khẩu cà phê của thế giới vào năm 2021. Các quốc gia cung cấp cà phê chính cho khu vực này bao gồm Brazil (29%), Việt Nam (22%), Colombia (7%) và Honduras (6%). Dự trữ cuối vụ dự kiến sẽ tăng 1 triệu bao lên 14,5 triệu. Mỹ là quốc gia nhập khẩu cà phê nhân lớn thứ hai và dự kiến nhập khẩu sẽ tăng 2,1 triệu bao lên 26 triệu bao vào năm 2021. Các quốc gia cung cấp chính bao gồm Brazil (25%), Colombia (22%), Việt Nam (15%) và Honduras (6%). Theo dự báo của ICO – Tổ chức cà phê thế giới và USDA – Bộ nông nghiệp Hoa Kỳ, mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng của dịch COVID -19, cùng với những khó khăn của từng vùng, miền, nhưng sản lượng cà phê thế giới vẫn có xu hướng tăng và đây là một tín hiệu đáng mừng cho thị trường cà phê toàn cầu.

Về mặt địa lý, thị trường cà phê toàn cầu được phân khúc thành Châu Mỹ Latinh, Bắc Mỹ, Đông Âu, Tây Âu, Trung Đông & Châu Phi, Châu Á Thái Bình Dương. Nhu cầu về cà phê ở Bắc Mỹ dự kiến sẽ vẫn cao trong những năm tới do lượng tiêu thụ quá nhiều loại cà phê này. Nhu cầu ngày càng tăng đối với cà phê của dân số lao động và việc lắp đặt máy bán cà phê tự động ở các văn phòng, sân bay, nhà ga và những nơi khác dự kiến sẽ đóng góp một phần lớn vào doanh thu ngày càng tăng của thị trường hạt cà phê Bắc Mỹ. Hơn nữa, sự phát triển mạnh mẽ của các cửa hàng cà phê ở Hoa Kỳ và Canada cũng đã làm tăng đột biến lượng cà phê tiêu thụ trong những năm gần đây. Bên cạnh đó, Châu Á Thái Bình Dương cũng được dự đoán là một đối thủ nặng ký trên thị trường cà phê toàn cầu. Các nền kinh tế mới nổi như Ấn Độ và Trung Quốc được kỳ vọng là nơi tiêu thụ cà phê nhân toàn cầu với khối lượng lớn. Khi dân số tăng nhanh, thu nhập được cải thiện, văn hoá cà phê đang phổ biến ở nhiều quốc gia đang phát triển đông dân ở châu Á và Châu Mỹ Latinh. Đó là một nhân tố quan trọng đối với sự phát triển của thị trường cà phê toàn cầu.

### **1.2.Thị trường cà phê hòa tan trên thế giới**

Theo báo cáo của ICO, thị trường cà phê hòa tan toàn cầu được định giá 23.500 triệu USD vào năm 2018 và sẽ đạt 32.900 triệu USD vào cuối năm 2025, tăng trưởng với tốc độ CAGR là 4,3% trong giai đoạn 2019-2025. Tăng trưởng thương mại quốc tế đối với cà phê hòa tan nhanh hơn nhiều so với tăng trưởng thương mại cà phê nhân xanh và cà phê rang xay trong thập kỷ qua, tạo nên một xu hướng rõ ràng ở các nước sản xuất cà phê khi hướng đến sản xuất cà phê hòa tan.

Hiện nay, Brazil là nhà sản xuất lớn nhất thế giới, tiếp theo là Việt Nam. Xét trên cơ sở tiêu thụ, Châu Âu (thị phần bán hàng 37%) là nước tiêu thụ cà phê hòa tan lớn nhất thế

giới, tiếp theo là Trung Quốc (thị phần tiêu thụ 12%) và Mỹ (thị phần bán hàng 11%). Thị trường cà phê hòa tan toàn cầu phát triển mạnh mẽ ở các quốc gia đông dân khác và các quốc gia đang phát triển. Các công ty lớn đang chi phối thị trường cà phê hòa tan toàn cầu hiện nay là Nestle, JDE, The Kraft Heinz, Tata Global Beverage, Unilever, Tchibo Coffee, Starbucks, Power Root, Smucker, Vinacafe, Trung Nguyên... và các công ty lớn này dự báo tiếp tục chiếm lĩnh thị trường cà phê hòa tan toàn cầu đến năm 2025.

## **2. Xu hướng phát triển của ngành cà phê Việt Nam**

Thời gian qua, ngành nông nghiệp Việt Nam nỗ lực tham gia vào chuỗi giá trị nông sản toàn cầu với nhiều sản phẩm đạt giá trị xuất khẩu cao như cà-phê, hồ tiêu, thủy sản, hoa quả... Hàng nông sản của Việt Nam xuất khẩu đến hơn 100 nước trên thế giới, kim ngạch xuất khẩu tăng qua các năm. Mặc dù gặp nhiều khó khăn do đại dịch COVID-19, giá trị xuất khẩu ngành nông nghiệp năm 2020 của Việt Nam vẫn tăng trưởng, với tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản 3 quý vừa qua đạt hơn 30,05 tỷ USD, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm 2019. Dự báo cả năm, toàn ngành nông nghiệp sẽ đem về 41 tỷ USD từ xuất khẩu. Xét theo tiêu chí về vị trí xếp hạng trong các nước xuất khẩu, một số mặt hàng nông sản của Việt Nam có thị phần lớn và xếp ở thứ hạng cao. Năm 2019, nhân điều xuất khẩu 450 nghìn tấn, với giá trị 3,6 tỷ USD (đứng đầu thế giới); hạt tiêu đạt 284 nghìn tấn (đứng đầu thế giới); cà-phê đạt hơn 1,6 triệu tấn, giá trị trên 2,85 tỷ USD (đứng thứ hai thế giới); gạo đạt 6,37 triệu tấn, giá trị 2,81 tỷ USD (đứng thứ hai thế giới); cao-su thiên nhiên đạt 1,7 triệu tấn, giá trị 2,3 tỷ USD (đứng thứ tư thế giới)<sup>4</sup>.

Đại dịch Covid-19 kéo dài gần cả năm 2020 làm xuất khẩu cà phê Việt Nam thêm năm thứ hai mất kim ngạch xuất khẩu vượt 3 tỷ USD. Tổng cục Thống kê Việt Nam ước xuất khẩu cà phê cả nước tháng 12/2020 chỉ đạt 85.000 tấn, giảm 54,70% so với cùng kỳ 2019. Cả năm 2020, Việt Nam xuất khẩu 1,51 triệu tấn cà phê trị giá 2,7 tỷ Usd, giảm 8,8% về lượng và 7,20% về giá trị so với 2019. Nhưng có thể hiểu rằng con số giảm xuất khẩu cà phê nguyên liệu (thô) ấy nằm giấu trong khối lượng cà phê chế biến (chùng 180.000 tấn). Năm 2020, Việt Nam đã tăng cường sản xuất và xuất khẩu cà phê chế biến gồm rang xay và hòa tan. Hiệp hội Cà phê và Ca Cao Việt Nam (Vicofa) ước tỷ lệ này chùng 12% gồm cả tiêu thụ nội địa và xuất khẩu. Nếu lấy con số xuất khẩu của Tổ chức Cà phê thế giới (ICO) trong vòng 12 tháng tính đến hết tháng 10/2020, khối lượng xuất khẩu robusta toàn cầu là 2,95 triệu tấn thì của Việt Nam chiếm hơn một nửa. Lượng xuất khẩu cà phê các nhóm arabica trong kỳ đạt gần 4,71 triệu tấn (Thu Uyên, 2021)<sup>5</sup>. Việc dự báo chính xác nhu cầu thị trường không chỉ giúp các tác nhân trong chuỗi giá trị linh động, chủ động

---

<sup>4</sup> Nguyễn Đình Quyết (2020), “*Nâng cao hiệu quả tham gia chuỗi giá trị toàn cầu đối với nông sản Việt Nam*”, Tạp chí cộng sản

<sup>5</sup> Thu Uyên (tổng hợp) (11/01/2021), “*Năm 2021: thị trường cà phê trong và ngoài nước còn nhiều thử thách*”, Tạp chí kinh tế điện tử Chứng khoán Việt Nam

<https://kinhtechungkhoan.vn/nam-2021-thi-truong-ca-phe-trong-va-ngoai-nuoc-con-nhieu-thu-thach-85841.html>

đổi phó với biến động của thị trường trong quá trình sản xuất kinh doanh mà còn giúp cho thị trường cà phê trong nước tránh được các trường hợp ép giá của các thương lái thu gom hay đầu cơ, tích trữ của nông hộ... Để hoạt động dự báo nhu cầu và phân tích thị trường cà phê một cách chính xác, nhà nước nên xây dựng một Ban điều hành cà phê. Ban này sẽ có sự tham gia của các Bộ, các viện nghiên cứu và các hiệp hội. Ban có nhiệm vụ đề xuất và giám sát việc thực hiện các chính sách, chiến lược liên quan đến ngành hàng cà phê; tổ chức nghiên cứu, đào tạo và phối hợp kiểm soát chất lượng; thu thập, phân tích, dự báo thông tin thị trường trong và ngoài nước; thực hiện các hoạt động phát triển thị trường để mang lại giá trị cho ngành cà phê Việt Nam.

Mặc dù Việt Nam chưa xây dựng được những thương hiệu mạnh trên thị trường quốc tế nhưng một số công ty bước đầu vươn ra thị trường thế giới với các thương hiệu của cà phê Việt Nam<sup>6</sup> nhờ các chính sách nông nghiệp, thương mại, khoa học - công nghệ... được ban hành và thực hiện kịp thời. Vị thế của hàng nông sản Việt Nam nói chung, cà phê Việt Nam nói riêng trong chuỗi giá trị toàn cầu đã được nâng lên một bước. Ngành nông nghiệp đã và đang triển khai tổ chức lại sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất nguyên liệu với chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, kết nối với hệ thống tiêu thụ toàn cầu. Việc tăng cường chế biến, gia tăng giá trị sản phẩm nhiều hơn đã tạo ra nhiều việc làm, thu nhập cao hơn cho nông dân Việt Nam.

### **3. Xu hướng phát triển của sản phẩm cà phê CDDL Buôn Ma Thuột**

Tính đến năm 2020, diện tích trồng cà phê của Tây Nguyên chiếm 77,5% diện tích cả nước, tập trung ở Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đắk Nông, với tổng diện tích toàn vùng đạt 555.606 ha. Sản lượng cà phê Tây Nguyên đạt 1,458 triệu tấn vào năm 2017<sup>7</sup>, chiếm 92% sản lượng cả nước<sup>8</sup>. Năng suất cà phê robusta Tây Nguyên rất cao, khoảng 4 tấn/ha năm 2018, trong đó các địa bàn trọng điểm cà phê như Đắk Lắk cho năng suất 7 tấn cà phê nhân/ha, cao hơn năng suất bình quân của thế giới<sup>9</sup>. Cà phê Việt Nam hiện xếp thứ hai trong danh sách xuất khẩu cà phê của thế giới về khối lượng, giá trị xuất khẩu và đứng thứ 10 trên thế giới về giá bán<sup>10</sup>. Hiện nay, xuất khẩu cà phê Tây Nguyên đang chiếm tới 41-42% sản lượng xuất khẩu cà phê của cả nước, hồ tiêu chiếm 17-20% sản lượng hồ tiêu xuất khẩu trên cả nước; cao su chiếm 4,5-66% sản lượng cao su xuất khẩu trên cả nước; điều chiếm 7.5-8,5% sản

---

<sup>6</sup> Quá trình đổi mới, hoàn thiện thể chế, môi trường kinh doanh đã góp phần nâng cao năng lực tham gia của hàng nông sản Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu. Việc gia nhập WTO năm 2007 và sau đó là 13 hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương được ký kết, trong đó có một số FTA thế hệ mới, nổi bật là CPTPP và EVFTA đã và sẽ tiếp tục mở đường cho hàng nông sản Việt Nam thâm nhập vào thị trường thế giới.

<sup>7</sup> Niên giám thống kê các tỉnh Tây Nguyên 2017, NXB thống kê 2018

<sup>8</sup> Agro Info (2018), *Niên vụ cà phê 2017 ở Tây Nguyên: năng suất cao, giá ổn định*, Theo báo Kinh tế nông thôn 6/11/2017, [http://agro.gov.vn/vn/ID25359\\_Nien-vu-ca-phe-2017-o-Tay-Nguyen-Nang-suot-cao-gia-on-dinh.html](http://agro.gov.vn/vn/ID25359_Nien-vu-ca-phe-2017-o-Tay-Nguyen-Nang-suot-cao-gia-on-dinh.html)

<sup>9</sup> Quang Huy (2018), *Cà phê với sau khi trồng tái canh cho năng suất rất cao ở Tây nguyên*, Báo ảnh dân tộc và miền núi, ngày 20/9/2018, <http://dantocmiennui.vn/kinh-nghiem-lam-an/ca-phe-voi-sau-khi-trong-tai-can-cho-nang-suot-cao-o-tay-nguyen/180582.html>

<sup>10</sup> Ngân hàng Thế giới (2016), *Chuyển đổi nông nghiệp Việt Nam: tăng giá trị, giảm đầu vào*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội 2016

lượng điều xuất khẩu trên cả nước (giai đoạn 2011-2016)<sup>11</sup>. Nhìn chung, năng suất cà phê ở Tây Nguyên có tăng lên đáng kể theo thời gian, từ 1,3 tấn/ha năm 1996 lên 2,3 tấn/ha năm 2014<sup>12</sup> và 4 tấn/ha (2018). Sự gia tăng năng suất cà phê cho thấy Tây Nguyên đã tập trung áp dụng công nghệ mới, tăng cường kỹ thuật trong canh tác cà phê, sử dụng các loại giống mới và tốt hơn khiến năng suất và sản lượng tăng nhanh, thích nghi tốt với điều kiện biến đổi khí hậu.

Mặc dù cà phê được đánh giá là cây trồng chủ lực ở Tây Nguyên, nhưng công nghệ chế biến của ngành cà phê hiện nay phần lớn là thấp hơn so với công nghệ của thế giới. Cho đến nay Việt Nam tuy đã trở thành quốc gia sản xuất, xuất khẩu cà phê hàng đầu thế giới, nhưng vẫn chủ yếu là xuất khẩu cà phê nhân. Cà phê chế biến sâu còn nhiều hạn chế, chiếm tỷ trọng nhỏ trong sản lượng và kim ngạch cà phê của Việt Nam, giá trị gia tăng thấp do công nghệ lạc hậu, quy mô sản xuất của các nhà máy nhỏ bé. Cà phê ở Tây Nguyên chủ yếu được chế biến ở 3 khu vực: hộ gia đình quy mô nhỏ, thủ công; các doanh nghiệp chế biến tư nhân, các doanh nghiệp FDI. Có tới 80% cà phê được sơ chế, chế biến tại khu vực hộ gia đình. Cà phê được chế biến theo quy mô công nghiệp được áp dụng ở Đak Lak gồm: chế biến cà phê ướt và chế biến cà phê khô. Tuy nhiên, công nghệ chế biến cà phê khô đang được áp dụng rộng rãi ở nơi đây. Đặc điểm của công nghệ chế biến khô là nó làm tăng tổn thất sau khi thu hoạch cà phê, khiến sản phẩm cà phê nhân có giá trị thấp hơn so với công nghệ chế biến ướt khi đưa ra thị trường xuất khẩu. Trên 80% nông hộ ở Đak Lak sử dụng công nghệ chế biến khô để chế biến cà phê nhân. Với hình thức chế biến khô này, các nông hộ, doanh nghiệp sản xuất cà phê trên địa bàn Đak Lak sau khi thu hái cà phê quả tươi về loại bỏ các tạp chất như cành, lá, đất, đá, quả cà phê xanh non..., sau đó, đưa ra phơi khô trên nền xi măng, nền gạch hoặc trải trên tấm bạt nilon... Khi cà phê độ ẩm xuống còn 12 - 13%, các nông hộ, doanh nghiệp mới đưa vào máy xát loại bỏ vỏ ngoài, vỏ trấu cho ra cà phê nhân thành phẩm. Thuận lợi của công nghệ chế biến khô là giá đầu tư một dây chuyền công nghệ không quá cao, tùy theo công suất chế biến mỗi máy (có giá đầu tư từ 5 triệu đồng trở lên/máy) nhưng bất lợi là khi xay xát làm cho nhiều nhân cà phê bị tổn thương, vỡ, trong phơi sấy có lúc hạt cà phê bị lên men, thâm đen lẫn tạp chất... nên dẫn đến chỉ tiêu đánh giá ngoại quan cà phê thấp, giá xuất khẩu không cao. Hiện nay, phần lớn các nông hộ sản xuất cà phê ở Đak Lak có diện tích từ 1 ha trở lên đều tự trang bị một dây chuyền công nghệ chế biến cà phê nhân khô với quy mô nhỏ vài trăm tấn/năm, còn đối với các doanh nghiệp mỗi dây chuyền đều có công suất từ 1.000 tấn sản phẩm cà phê nhân/năm trở lên. Trong khi đó, việc chế biến cà phê nhân theo công nghệ chế biến ướt là tiên tiến

---

<sup>11</sup> Agro Info (2017), *Nâng cao chất lượng cà phê đạt tiêu chuẩn xuất khẩu*, Trung tâm thông tin phát triển nông thôn, Viện chính sách và chiến lược phát triển nông thôn, Hà Nội 2017

<sup>12</sup> Tín Hồng Nguyễn (2017), *Tổng quan về ô nhiễm nông nghiệp ở Việt Nam: ngành trồng trọt*, Ngân hàng thế giới 2017

nhất hiện nay chỉ có một số ít doanh nghiệp sản xuất kinh doanh cà phê ở Đak Lak có quy mô tương đối lớn mới đầu tư. Năm 2016, tỉnh Đak Lak đã chế biến được 5.280 tấn cà phê hoà tan và 21.550 tấn cà phê bột. Một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã mạnh dạn đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại để sản xuất sản phẩm cà phê bột, cà phê hoà tan có thương hiệu, uy tín như Trung Nguyên, An Thai, Đắk Co, Uy Tín, Trường Giang... Trong niên vụ 2015- 2016 tỉnh Đắk Lắk đã xuất khẩu cà phê hoà tan đạt 4.520 tấn, chiếm tỷ lệ 2,3% số lượng cà phê nhân xuất khẩu, nhưng kim ngạch xuất khẩu đạt 26,826 triệu USD, chiếm tỷ lệ 7,5% trong tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê nhân của tỉnh<sup>13</sup>. Tính đến tháng 8 năm 2018, tỉnh Đắk Lắk có 23 doanh nghiệp chế biến nhân theo công nghệ khô, tổng công suất 475.000 tấn/năm, 16 dây chuyền chế biến ướt, tổng công suất 64.000 tấn/năm. Đắk Lắk có 47 doanh nghiệp chế biến cà phê bột, công suất 32.000 tấn/năm; 1 doanh nghiệp chế biến cà phê hoà tan, công suất 1000 tấn/năm. Phần lớn các doanh nghiệp chế biến cà phê ở Đắk Lắk có quy mô nhỏ, dây chuyền thiết bị chưa đồng bộ và tỷ lệ chế biến sâu mới chiếm khoảng 2,3% tổng sản lượng cà phê xuất khẩu của Đắk Lắk<sup>14</sup>. Chỉ có một số dây chuyền công nghệ chế biến ướt cà phê nhân như Công ty TNHH 1 thành viên Ea Pôk, Thắng Lợi, Phước An. Còn tại Lâm Đồng, địa phương có diện tích, sản lượng cà phê nhân đứng thứ 2 sau Đắk Lắk cũng chỉ mới có 9 doanh nghiệp đầu tư dây chuyền công nghệ chế biến ướt cà phê nhân, với tổng công suất từ 45.000 - 50.000 tấn sản phẩm/năm<sup>15</sup>.

Theo *Đề án phát triển cà phê bền vững của tỉnh Đak Lak đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030* của HĐND tỉnh Đak Lak (theo nghị quyết 24/2017/NQ – HĐND), tỉnh Đak Lak định hướng đến năm 2030 sẽ xây dựng ngành cà phê tỉnh Đắk Lắk nói chung, cà phê CDĐL Buôn Ma Thuột nói riêng phát triển theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, mang lại giá trị gia tăng cao, tiến tới phát triển sản xuất cà phê hữu cơ; tập trung các nguồn lực, chính sách đầu tư cho các vùng sản xuất cà phê theo quy hoạch, ưu tiên vùng có chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột; đổi mới tổ chức sản xuất, đẩy mạnh liên kết dọc, liên kết ngang trong ngành hàng; ưu tiên ứng dụng khoa học công nghệ cao vào các khâu sản xuất, chế biến và tổ chức quản lý sản xuất; nâng cao thu nhập cho nông dân và doanh nghiệp, quản lý tốt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Các mục tiêu cụ thể đến năm 2020 của tỉnh Đak Lak là như sau:

- *Sản xuất cà phê*

- Giai đoạn 2016 - 2020: Giảm dần diện tích còn 180.000 ha và sản lượng bình quân 450.000 tấn/năm; Đến 2030, diện tích ổn định 170.000 ha - 180.000 ha, sản lượng bình

---

<sup>13</sup> Quang Huy (2018), *Nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm cà phê*, Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam, 2/8/2018

<sup>14</sup> Minh Thông (2018), *Công nghiệp chế biến nông sản: thô nhiều, tinh ít*, Báo Đắk Lắk, 16/8/2018

<sup>15</sup> Quang Huy (2017), *Tây Nguyên chủ yếu chế biến cà phê nhân theo công nghệ chế biến khô*, Báo tin tức, 13/11/2017, <https://baotintuc.vn/tay-bac-tay-nguyen-tay-nam-bo/tay-nguyen-chu-yeu-che-bien-ca-phe-nhan-theo-cong-nghe-che-bien-kho-20171113115828047.htm>

quân đạt từ 476.000 - 504.000 tấn/năm; Năng suất bình quân đến năm 2020 đạt 2,5 tấn/ha, năm 2030 đạt 2,8 tấn/ha.

- Giai đoạn 2016-2020 tái canh 32.335 ha cà phê, bình quân mỗi năm tái canh trên 6.000ha/năm. Giai đoạn 2020 - 2030 tái canh từ 1.000 ha/năm - 1.500 ha/năm.

- Quản lý tốt chất lượng cây giống để phục vụ tái canh cà phê đạt hiệu quả: Đảm bảo đến năm 2020, 70% diện tích cà phê tái canh ghép cải tạo và trồng mới sử dụng giống cà phê mới (có năng suất, chất lượng cao). Đến năm 2030: 90% diện tích cà phê tái canh sử dụng giống mới có chất lượng.

- Quản lý và sử dụng nguồn nước hợp lý: Giai đoạn 2016 - 2020 có 75-80% diện tích cà phê chủ động được nước tưới, có 10.000 ha ứng dụng công nghệ tưới nước tiết kiệm. Định hướng đến năm 2030 có 85-90% diện tích cà phê chủ động được nước tưới và 20.000 ha tưới nước tiết kiệm.

- Áp dụng quy trình kỹ thuật sản xuất cà phê bền vững theo yêu cầu của thị trường trong nước và thế giới: Đến năm 2020 có khoảng 80% diện tích cà phê được áp dụng quy trình sản xuất cà phê bền vững có chứng nhận. Định hướng đến năm 2030 có 90% diện tích cà phê áp dụng quy trình kỹ thuật sản xuất cà phê bền vững.

- Xây dựng 2 đến 3 mô hình sản xuất cà phê hữu cơ, tiến tới nhân rộng mô hình.

• *Thu hoạch và chế biến*

- Đến năm 2020: 80% đến 85% sản lượng cà phê được thu hái, phơi sấy và bảo quản theo đúng quy trình kỹ thuật hiện hành.

- 100% cơ sở chế biến cà phê nhân xuất khẩu tuân thủ đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Cơ sở chế biến cà phê đạt điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Ít nhất 03 doanh nghiệp chế biến cà phê nhân xuất khẩu, chế biến sâu áp dụng công nghệ và quy trình quản lý tiên tiến.

- Tỷ lệ chế biến sâu (cà phê bột, cà phê hòa tan, các loại cà phê khác biệt khác theo thị hiếu của thị trường ....) đạt từ 8-10% sản lượng của niên vụ.

- Định hướng đến năm 2030: Sản lượng cà phê được chế biến sâu đạt từ 15% đến 20% sản lượng cà phê của niên vụ. Tỷ lệ sản lượng cà phê được thu hái, phơi sấy và bảo quản đạt tiêu chuẩn nâng lên từ 85% đến 95%.

• *Thương mại và quảng bá sản phẩm*

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá hình ảnh sản phẩm đặc trưng của địa phương; phát triển thị trường tiêu thụ nội địa.

- Đến năm 2020 kim ngạch xuất khẩu cà phê đạt bình quân 600 triệu USD/năm đến 650 triệu USD/năm. Định hướng từ sau năm 2020, phấn đấu kim ngạch xuất khẩu hàng năm đạt từ 700 triệu USD/năm đến 800 triệu USD/năm.

- Phát triển thương hiệu, bảo hộ, bảo vệ và tăng diện tích cà phê có chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột; Phát triển các nhãn hiệu mạnh của doanh nghiệp.

• *Tổ chức và quản lý sản xuất*



- Đến năm 2020: Hỗ trợ phát triển 30 Hợp tác xã nông nghiệp (bao gồm số Hợp tác xã hiện có và thành lập mới) tại các vùng sản xuất cà phê. Hỗ trợ thành lập ít nhất 10 tổ hợp tác sản xuất cà phê bền vững tại vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Cùng cố các liên minh sản xuất cà phê bền vững đã có và xây dựng 03 liên minh sản xuất cà phê theo chuỗi giá trị.

- Phát huy hiệu quả hoạt động của Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột là đầu mối kết nối các tác nhân trong ngành hàng.

Cho đến nay, chưa có những kết quả đánh giá việc thực hiện Đề án trên sau 3 năm thực hiện, nhưng những kết quả đạt được của tỉnh Đak Lak trong trồng, chế biến, tiêu thụ, quảng bá sản phẩm cà phê, trong đó có cà phê CDDL Buôn Ma Thuột, dường như chưa đạt được theo đúng chỉ tiêu đặt ra.

Để tìm hướng đi mới cho ngành cà phê, năm 2021, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành *Đề án phát triển cà phê đặc sản Việt Nam giai đoạn 2021-2030*. Đề án này định hướng phát triển cà phê đặc sản tại 8 tỉnh, gồm: Điện Biên, Sơn La, Quảng Trị, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Tại Đak Lak, Đề án tập trung phát triển cà phê với đặc sản tại 05 xã thuộc 03 huyện/thành phố, gồm: Huyện Krông Năng (xã Ea Tân, Ea Toh); huyện Krông Păk (Hòa An, Ea Yông) và thành phố Buôn Ma Thuột (xã Ea Tu), với tổng diện tích khoảng 1.060 ha vào năm 2025 và 2.120 ha vào năm 2030.

Để phát triển hiệu quả cà phê đặc sản, Đề án cũng hướng dẫn tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, lấy doanh nghiệp làm trung tâm, cụ thể là:

- Các địa phương, doanh nghiệp, hộ sản xuất căn cứ vào lợi thế về điều kiện sinh thái và thị trường, xác định vùng tiềm năng trồng cà phê đặc sản, ưu tiên giữ gìn và phát triển thành vùng nguyên liệu truyền thống sản xuất cà phê đặc sản.

- Khuyến khích các trang trại, hộ sản xuất hình thành tổ hợp tác/hợp tác xã

- Liên kết với doanh nghiệp trong thu mua nguyên liệu đầu vào, trao đổi kỹ thuật sản xuất, tiếp cận/chuyển giao khoa học công nghệ và ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm cà phê đặc sản.

- Mở rộng hệ thống cơ sở dữ liệu, giám sát vùng trồng cà phê đặc sản dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin.

- Đẩy mạnh gắn kết 4 nhà: Nhà nông - nhà khoa học - nhà doanh nghiệp - nhà nước trong nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cà phê đặc sản.

Đề án cũng hướng dẫn các tác nhân tham gia chuỗi giá trị cà phê đặc sản theo các tiêu chuẩn sau:

- Hộ nông dân: Thực hiện chặt chẽ quy trình canh tác, thu hái, sơ chế, bảo quản cà phê đặc sản được cấp có thẩm quyền ban hành, chuyển giao.

- Cơ sở chế biến: Thực hiện sơ chế, chế biến theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và giữ đúng được hương vị, chất lượng sản phẩm cà phê đặc sản.

- Các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê: Phối hợp với các cơ quan quản lý xúc tiến thương mại, quảng bá phát triển thị trường cà phê đặc sản đến người tiêu dùng trong và ngoài nước. Đồng thời, cung cấp cho người sản xuất cà phê thông tin, yêu cầu thị trường cà phê đặc sản để phát triển bền vững hơn.

- Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam: Vận động và hướng dẫn các doanh nghiệp thành viên hiệp hội liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm với người sản xuất tại các vùng cà phê đặc sản. Hàng năm phối hợp tổ chức các cuộc thi cà phê đặc sản Việt Nam, hướng tới thu hút sự tham gia của các sản phẩm cà phê đặc sản trong khu vực và trên thế giới. Phối hợp tổ chức các cuộc bán đấu giá sản phẩm đạt giải cà phê đặc sản Việt Nam hàng năm, thành lập các sàn giao dịch cà phê đặc sản trực tuyến nhằm đưa giá trị cà phê đặc sản về đúng giá trị. Đóng vai trò là cầu nối giữa các doanh nghiệp có sản phẩm cà phê đặc sản trong nước với các doanh nghiệp kinh doanh cà phê đặc sản thế giới. Phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm cà phê đặc sản Việt Nam.

Đề án này đặt ra các cơ hội mới cho việc phát triển cà phê đặc sản của tỉnh Đak Lak, trong đó có cà phê CDĐL Buôn Ma Thuột đến năm 2030.